

PHỤ LỤC VII
BẢNG PHÂN LOẠI ĐƯỜNG TÍNH CƯỚC ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DẦU TIẾNG
(Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Phân loại						Ghi chú
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	
1	Đường 13/3	Cầu Đúc	Cầu Tàu	2,7		x					
2	Hùng Vương	Ngã 4 Kiểm Lâm	Ngã 4 Cây Keo	2,2		x					
3	Độc Lập	Cầu Cát	Ngã 3 Chợ Sáng	1,2		x					
4	Thống Nhất	Ngã 4 Cây Keo	Ngã 3 Chợ Sáng	1		x					
5	Tự Do	Ngã 4 Cây Xăng	Ngã 3 Cây Xoài	0,5		x					
6	Hai Bà Trưng	Cách Mạng Tháng 8	Ngã 4 Ngân Hàng	0,7						x	
7	Nguyễn Văn Ngân	Đường Độc Lập	Ngô Quyền	1,2					x		
8	Trần Văn Lắc	Ngã 4 Kiểm Lâm	ĐH.702	2,8				x			
9	Ngô Quyền	Ngã 4 Cầu Cát	Ngã 3 Chợ Sáng	2,4				x			
10	Đường CMT8	Ngã 4 Cầu Cát	Ngã 4 Kiểm Lâm	3,8		x					
11	Trần Văn Trà	Ngã 3 Nhà Thờ	Cầu Tàu	0,5					x		
12	Văn Công Khai	Nguyễn Bình Khiêm	Đường 20/8	3,3						x	
13	Ngô Văn Trị	Độc Lập	Ngô Quyền	0,6					x		
14	Nguyễn Văn Linh	Trần Phú	Cầu Rạch Sơn Đãi	0,5					x		
15	Nguyễn Bình Khiêm	Bệnh viện Đa Khoa Huyện	Cầu Đúc	1,5		x					
16	Nguyễn An Ninh	Thống Nhất	Trần Hưng Đạo	0,3				x			
17	Phạm Hùng	Độc Lập	Ngô Quyền	0,6					x		
18	Trần Phú	Thống Nhất	Hùng Vương	2,9				x			
19	Phạm Thị Hoa	Trần Phú	Trần Hưng Đạo	0,3				x			
20	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Linh	Ngô Quyền	1,4					x		
21	Lê Hồng Phong	Đường 13/3	Nguyễn Thị Minh Khai	1,3		x					
22	Nguyễn Thị Minh Khai	Đường 13/3	Lê Hồng Phong	2,2					x		
23	Bầu Sen	Đường 20/8	Đường 20/8 (Cầu Suối Dứa)	3,5				x			
24	Bầu Rong	Đường 20/8	Nguyễn Bình Khiêm	6,3				x			
25	Đường 20/8	Cầu Suối Dứa	Cầu Cát	1,6	x						
26	Giải Phóng	Đường CMT8	Tự Do	0,6			x				
27	Đồng Khởi	Đường CMT8	Thống Nhất	0,9			x				
28	Yết Kiêu	Thống Nhất	Giải Phóng	1			x				
29	Kim Đồng	Hùng Vương	Trần Phú	0,4			x				
30	Trường Chinh	Hùng Vương	Đoàn Thị Liên	0,5			x				

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Phân loại						Ghi chú
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	
31	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Đoàn Thị Liên	0,5			x				
32	Lý Tự Trọng	Nguyễn Văn Trỗi	Võ Thị Sáu	0,2			x				
33	Võ Thị Sáu	Trần Phú	Trường Chinh	0,5			x				
34	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Phú	Kim Đồng	0,6			x				
35	Đoàn Thị Liên	Trần Phú	Kim Đồng - Trần Phú	0,6			x				
36	Đường D1	Giải Phóng	Thống Nhất	0,3					x		
37	Đường D2	Giải Phóng	Thống Nhất	0,3					x		
38	Đường D3	Giải Phóng	Hai Bà Trưng	0,5					x		
39	Đường D4	Giải Phóng	Hai Bà Trưng	0,5					x		
40	Đường D6	Hai Bà Trưng	Giáp đường N10	0,2					x		
41	Đường D7	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	0,3				x			
42	Đường D8	Đồng Khởi	Đường N1	0,2					x		
43	Đường D9	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	0,2				x			
44	Đường D10	Đồng Khởi	đường N1	0,2				x			
45	Đường N1	đường CMT8	đường D8	0,3				x			
46	Đường N2	đường CMT8	đường D8	0,3				x			
47	Đường N3	đường CMT8	đường D8	0,3				x			
48	Đường N5	đường CMT8	Yết Kiêu	0,6				x			
49	Đường N6	đường nhựa	Yết Kiêu	0,6				x			
50	Đường N10	Yết Kiêu	đường CMT8	0,7					x		
51	Đường N12	Yết Kiêu	đường D1	0,4				x			
52	Đường N13	Giải Phóng	Độc Lập	0,4					x		
53	Đường X1	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	0,1					x		
54	Đường X2	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	0,2					x		
55	Đường X3	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng	0,2					x		
56	Đường X4	Yết Kiêu	Hai Bà Trưng	0,1					x		
57	Đường X5	Yết Kiêu	Hai Bà Trưng	0,1					x		
58	Bắc Nam số 4	Đường 13/3	Nguyễn Thị Minh Khai	1				x			
59	Bắc Nam số 5	Đường 13/3	Nguyễn Thị Minh Khai	1				x			
60	Đường Đông Tây số 5 (đoạn mở mới)	Đường Hùng Vương	Đường CMT8	0,3	x						
61	Đường khu phố 4B	Đường trước Huyện ủy - CMT8	Đường Sân Bay	1,3	x						
62	ĐH.701	Ngã 3 Lê Hồng Phong - Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã 3 xã Định An	7,7				x			

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Phân loại						Ghi chú
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6	
63	ĐH.702	Cầu Mới	Chùa Thái Sơn	5,7				x			
64	ĐH.703	Cầu Sơn Đài	ĐH.702	3,0				x			
65	ĐH.704	ĐH.720 (Thanh An)	Cầu Sóc 5 (Minh Hòa)	36,2				x			
66	ĐH.705	ĐT.744 (Thanh Tuyền)	Cầu Bến Súc	0,7		x					
67	ĐH.707	ĐT.749B (Minh Thạnh)	đi Minh Hưng	8,4				x			
68	ĐH.708	ĐT.750 (Ngã 3 Làng 5)	ĐT.744	10,0				x			
69	ĐH.709	Ngã 3 Vịnh Ông Võ	Giáp sông Sài Gòn	1,5				x			
70	ĐH.710	ĐT.744 (Ngã 3 đường kiểm)	ĐH.702	2,5				x			
71	ĐH.711	ĐT.744 (Chợ Bến Súc)	ĐT.744 (Ngã 3 Bông Giấy)	13,5				x			
72	ĐH.712	Ngã 3 Đường Long (Cầu Xéo ĐT.749D)	Giáp đường DH 711	3,8				x			
73	ĐH.713	ĐT.744 (Ngã 3 Rạch Kiến)	ĐT.749D (Ngã 3 Trường Học ĐT.749D)	1,9				x			
74	ĐH.714	ĐT.744 (Ngã 3 Bưng Còng)	Nông trường Phan Văn Tiến	1,5				x			
75	ĐH.715	ĐT.750 (Cầu Đen, Cầu Đỏ)	ĐH.704 (Ngã 3 Làng 18)	8,8				x			
76	ĐH.716	ĐT.749A (Ngã 3 Cầu Hồ Đá)	ĐT.749D (Ngã 4 Hóc Măng)	8,0				x			
77	ĐH.717	ĐT.749A	ĐH.716 (Cầu Biệt Kích)	1,9				x			
78	ĐH.718	ĐT.744 (Hố Nghiêng)	Đường DH.711	6,0				x			
79	ĐH.719	ĐT.744	Bàu Gấu	1,9				x			
80	ĐH.720	ĐH.711	Giáp ranh xã An Lập	3,8				x			
81	ĐH.721	ĐT.749a	ĐT.750 (Đồng Bà Ba)	5,5				x			
82	ĐH.722	ĐT.749A (Ngã 3 Cắm Xe)	ĐT.749D (Cầu Bà Và)	8,0				x			
83	ĐH.723	ĐT.744 (đường Cầu Sắt Lô 3)	ĐH.701	1,8				x			
84	ĐH.724	ĐT.744 (Đường nhựa lô 59-78 NT Trần Văn Lưu)	ĐH.704	2,9				x			
85	ĐH.725	ĐH.704 (Đường vào Khu du lịch Dot Champa)	ĐT.744	4,2					x		
86	ĐH.726	ĐH.704 (Mẫu giáo Hướng Dương)	ĐT.749A (qua cầu Thị Tính)	7,8					x		
87	ĐH.727	ĐT.749B (Ngã 3 Dốc Chùa)	ĐH.707	4,0				x			
88	ĐH.728	ĐT.749A (Vào vườn ươm NT Long Tân)	ĐT.749D	3,9					x		
89	ĐH.729 - Đường láng nhựa Nhà máy Bến Súc đến ngã 3 chú Trai	ĐT.744	ĐH.711	1,2					x		
	đường vào khu dân cư Sờ 2	ĐT.744	Sờ 2					x			